

Số: /BC-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện các Nghị quyết số 26-NQ/TW và số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng Tây Nguyên

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1125/UBND-KTTH ngày 07/08/2025 về việc báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện các Nghị quyết số 26-NQ/TW và số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng Tây Nguyên; Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo, như sau:

I. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ chính trị và các Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Bộ chính trị

1. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023-2024 và dự kiến năm 2025

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu KTXH theo Phụ lục đính kèm.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ trong 03 năm 2023-2025

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Tham mưu UBND tỉnh trình Đảng ủy UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của về việc Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2022 về thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 21/3/2023 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 04 Nghị quyết¹; Tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định, Kế hoạch² triển khai thực hiện các

¹ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021, Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021, Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị Quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 Quy định một số định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

nhệm vụ của Ngành khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; tham mưu triển khai Kế hoạch giám sát công nghệ, thiết bị dự án đầu tư Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; Diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân; ...

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều quyết định, kế hoạch về công tác chuyển đổi số³ và văn bản chỉ đạo nhằm thúc đẩy chuyển đổi số

² Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Quyết định phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X-quang chẩn đoán y tế hoạt động trên địa bàn tỉnh”; Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 về việc ban hành Kế hoạch Ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 sửa đổi, bổ sung Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 16/9/2021; Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thành lập Hội đồng điều phối xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2021 về việc triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 15/7/2021 Kế hoạch thực Đề án “Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 15/3/2023 của UBND về việc xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi năm 2023.

³ Các kế hoạch, quyết định: số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 166/KH-UBND ngày 14/10/2022 ban hành Kế hoạch tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, số 148/KH-UBND ngày 15/09/2022 về Tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, số 138/KH-UBND ngày 31/08/2022 về Thúc đẩy triển khai sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, số 122/KH-UBND ngày 02/8/2022 Truyền thông về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022- 2025, số 117/KH-UBND ngày 27/7/2022 Bổ sung nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2022, số 103/KH-UBND ngày 23/6/2022 về Triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, số 100/KH-UBND ngày 20/6/2022 về phát triển nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, số 97/KH-UBND ngày 15/6/2022 về Hỗ trợ, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, số 73/KH-UBND ngày 28/4/2022 về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, số 48/KH-UBND ngày 18/03/2022 về Tổ chức Lễ Khai trương Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ngãi và ký kết Hợp tác xây dựng Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, các kế hoạch phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng hàng năm; số 2126/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 2.0; số 45/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 ban hành Quy định quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 862/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi; số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025; số 151/QĐ-UBND ngày 09/2/2022 ban hành Quy chế Quản lý, vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ngãi; số 262/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 ban hành Quy trình tổ chức, vận hành nội bộ của tỉnh phục vụ phiên họp Hội nghị truyền hình từ cấp xã lên Chính phủ; số 319/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 về công bố danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI; số 104/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 ban hành bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; số 365/QĐ-UBND ngày 22/03/2023 ban hành Quy chế vận hành Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh

sâu rộng trên địa bàn tỉnh như: triển khai các nền tảng số, nhiệm vụ an toàn thông tin mạng, công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, đăng tải các TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ và triển khai trong năm 2023; Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi ...

b) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Kết quả thực hiện các mục tiêu đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025:

(1) Triển khai các nhiệm vụ KH&CN:

+ Khu vực Đông Quảng Ngãi⁴: Xây dựng, triển khai thực hiện 50 nhiệm vụ KH&CN để chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống; trong đó: có 26 mô hình thực hiện ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số; 12 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, tạo sinh kế cho người dân.

+ Khu vực Tây Quảng Ngãi: Triển khai 05 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025; 05 nhiệm vụ thuộc 02 dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia “Sâm Việt Nam”, bước đầu đã hoàn thiện một số quy trình công nghệ về sản xuất giống, trồng, thu hoạch, bảo quản sâm Ngọc Linh; 35 đề tài, dự án được phê duyệt, trong đó, đã nghiệm thu 16 đề tài, dự án để bàn giao kết quả cho các đơn vị, địa phương tổ chức ứng dụng, nhân rộng vào thực tế sản xuất. Đã đầu tư hệ thống phòng thí nghiệm phục kiểm định, phân tích chất lượng sâm Ngọc Linh.

(2) Thông qua các chương trình, mô hình, nhiệm vụ KH&CN tổ chức đào tạo cho 460 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho hơn 6.300 lượt người dân để góp phần nâng cao năng lực áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tế, trình độ phát triển sản xuất của các địa phương trong tỉnh.

(3) Hỗ trợ 30 lượt doanh nghiệp tham gia hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm thành tựu về KH&CN.

mạng tập trung (SOC) tỉnh Quảng Ngãi; số 113/KH-UBND ngày 22/5/2023 về việc Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, năm 2023; số 65/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về việc phê duyệt mẫu biểu địa chỉ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 104/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 ban hành bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; số 778/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 ban hành Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Ngãi; số 856/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 ban hành Danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; số 50/KH-UBND ngày 08/03/2023 về truyền thông về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; số 127/KH-UBND ngày 09/6/2023 về việc Triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 138/KH-UBND ngày 11/7/2023 về Tổ chức Lễ phát động phong trào Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 140/KH-UBND ngày 13/7/2023 về Tuần lễ chuyển đổi số năm 2023; số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; số 194/KH-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh về phát triển Hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; số 66/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 35/KH-UBND ngày 24/2/2023 về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022.

⁴ Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 và Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ).

(4) Thực hiện hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển tài sản trí tuệ, đến nay đã có 220 đối tượng sở hữu trí tuệ được hỗ trợ đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ độc quyền.

(5) Về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo: Đến nay đã hình thành và phát triển 14 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thực hiện hỗ trợ 30 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có sản phẩm kinh doanh (thông qua hỗ trợ trưng bày, quảng bá sản phẩm tại các sự kiện ngoài tỉnh). Thu hút 64 ý tưởng, dự án tham gia Hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến từ các trường đại học, cao đẳng và phổ thông trung học trên địa bàn tỉnh.

(6) Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Đến cuối năm 2025, ước triển khai thực hiện từ 01 - 02 nhiệm vụ KH&CN⁵, theo đó ước hỗ trợ 14 doanh nghiệp, hợp tác xã về áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn hữu cơ quốc tế, năng suất xanh; đã hỗ trợ 61 lượt doanh nghiệp⁶ áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; hỗ trợ 920 lượt⁷ người được tham gia đào tạo, tập huấn chuyên môn về các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc.

(7) Tỉnh đã công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết⁸; khuyến khích doanh nghiệp triển khai một số nội dung: (a) Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như IoT, Big Data, AI và điện toán đám mây; (b) Chuyển đổi số trong các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh (nông nghiệp, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch, logistics); (c) Phát triển mạnh thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; (d) Tuyên truyền, nâng cao năng lực số cho người dân; (đ) Triển khai khi có yêu cầu số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, di sản văn hóa của tỉnh; (e) Chủ động đề xuất và tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh và quốc gia nhằm giải quyết các vấn đề, nút thắt trong hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Mạng bưu chính với 397 điểm phục vụ, tổng số lao động gần 2.200 người. Mạng viễn thông và internet với hơn 3.095 vị trí trạm BTS; 100% số xã, phường, đặc khu đã phủ cáp quang và sóng thông tin di động; hầu hết các thôn, bản trên địa

⁵ (1) Dự án: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (2) Dự án: Triển khai mô hình nâng cao năng suất, chất lượng cho doanh nghiệp thuộc một số ngành công nghiệp trọng điểm dựa trên áp dụng giải pháp Năng suất Xanh gắn với giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

⁶ (1) Quảng Ngãi cũ đã hỗ trợ, hướng dẫn 42 lượt doanh nghiệp: 26 cơ sở đăng ký, sử dụng mã số mã vạch, hướng dẫn; 12 cơ sở sản xuất xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; 04 doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến 5S, KPI; (2) Kon Tum cũ đã hướng dẫn 19 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh công bố, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; đăng ký sử dụng mã số, mã vạch, xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất sản phẩm hàng hóa

⁷ Năm 2022: 160 lượt; Năm 2023: 310 lượt; Năm 2024: 250 lượt; Năm 2025: ước 200 lượt. (2) Kon Tum cũ hỗ trợ trung bình hàng năm 150 lượt người

⁸ Quảng Ngãi công bố 4 bài toán lớn, Kon Tum công bố 9 bài toán lớn.

bàn tỉnh có sóng di động 3G, 4G; tập trung triển khai 5G tại khu vực đô thị và khu công nghiệp.

- Tỉnh đã đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh, với tổng dung lượng lưu trữ là 170 TB, triển khai 24 hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) của các cơ quan nhà nước tỉnh. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo khả năng lưu trữ và kết nối dữ liệu từ các CSDL, HTTT của tỉnh. Toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, HTTT ; trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành.

- Đã hoàn thành nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã xây dựng và đưa vào hoạt động Hệ thống phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại chính quyền các cấp và Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Ngãi và Hệ thống và Kho dữ liệu số và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh để phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu, ưu tiên số hóa hồ sơ, tài liệu của các đơn vị thuộc diện giải thể, sáp nhập.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp nền tảng, ứng dụng dùng chung phục vụ chuyển đổi số, chính quyền số, trong đó, ưu tiên một số nền tảng, ứng dụng dùng chung⁹; hạ tầng số của tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được đẩy mạnh đầu tư, phát triển¹⁰.

- Mạng lưới truyền thanh cơ sở được phủ sóng khắp thôn/bản trên địa bàn tỉnh, được từng bước hiện đại hóa áp dụng công nghệ viễn thông – công nghệ thông tin. Mạng lưới IoT tiếp tục được phát triển doanh nghiệp, đặc biệt hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống cảnh báo lũ, hệ thống camera ngành công an phục vụ công tác theo dõi an ninh trật tự và an toàn giao thông tại các vị trí trọng yếu.

- Về hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây: Trung tâm dữ liệu dùng chung (Văn phòng Tỉnh ủy), Trung tâm dữ liệu tỉnh (Sở KH&CN) và Trung tâm

⁹ Như: Hệ thống phục vụ chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử; Kho dữ liệu dùng chung. Triển khai phủ sóng di động 4G trên toàn tỉnh; triển khai mở rộng vùng phủ sóng 5G nhằm giúp kiên cố hạ tầng mạng lưới, phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Phối hợp triển khai khi có yêu cầu nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo an toàn thông tin mạng. Mạng lưới IoT tiếp tục được phát triển, đặc biệt hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống cảnh báo lũ, hệ thống camera ngành công an phục vụ công tác theo dõi an ninh trật tự và an toàn giao thông tại các vị trí trọng yếu.

¹⁰ Mạng cáp quang đã phủ đến 100% cấp xã và 97% cấp thôn; Có 05 mạng thông tin di động (Vinaphone, MobiFone, Viettel, Vietnam Mobile, Gtel) với hơn 1.780 vị trí trạm BTS, thực hiện đúng lộ trình tắt sóng 2G của Bộ Thông tin và Truyền thông từ ngày 16/10/2024; đảm bảo 100% thôn, bản trên địa bàn tỉnh có sóng di động 3G, 4G trên toàn tỉnh; đã khắc phục toàn bộ 10/10 thôn, bản lờm sóng, mạng 5G đã triển khai thương mại tại các khu đô thị dọc quốc lộ 1A, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với 58 trạm BTS; Số thuê bao điện thoại đạt 1.293.000 thuê bao, tỷ lệ thuê bao điện thoại/100 dân đạt 102%; số thuê bao internet đạt 1.160.000; 73% tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang; Mạng số liệu chuyên dùng triển khai đến 100% cơ quan nhà nước tỉnh Hàng năm, các doanh nghiệp viễn thông chính trang khoảng 40km cáp; tỷ lệ ngầm hóa đạt 20%.

tích hợp dữ liệu tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh) vận hành với khoảng 60 phần mềm, hệ thống thông tin. Ngoài ra, đang sử dụng hạ tầng do doanh nghiệp cung cấp để vận hành các hệ thống có quy mô lớn như: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống VBDLis;...

3. Đánh giá chung

1. Kết quả nổi bật

- Huy động trí tuệ của các nhà khoa học, trường đại học, viện nghiên cứu trong việc tham mưu UBND tỉnh xem xét, công bố bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ bám sát chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh trong tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác chuyển đổi số. Nhìn chung, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông được các cấp, các ngành, các doanh nghiệp quan tâm đầu tư; thường xuyên rà soát, nâng cao hơn nữa hiệu quả triển khai và sử dụng các hệ thống CSDL dùng chung và chuyên ngành; tăng cường kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu,... Mạng truyền dẫn và các dịch vụ viễn thông được đảm bảo chất lượng, bố trí đủ kênh, luồng và dự phòng để đảm bảo thông tin liên lạc hoạt động liên tục, thông suốt và ổn định.

2. Khó khăn, thách thức

- Số lượng nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học còn hạn chế, chưa có được nhiều nhiệm vụ ứng dụng có quy mô lớn, sản phẩm thực sự mang tính đột phá đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, sức lan tỏa rộng, tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các Sở, ban ngành, địa phương chưa tích cực, quan tâm đề xuất những nhiệm vụ KH&CN để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

- Tiềm lực KH&CN của tỉnh còn yếu, thiếu các chuyên gia giỏi, các nhà khoa học đầu ngành để dẫn dắt hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN. Đa số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ và năng lực tài chính hạn chế. Do đó, việc doanh nghiệp ứng dụng các thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn nhiều hạn chế; đòi hỏi cần có thời gian để các doanh nghiệp hấp thu, làm chủ trình độ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, việc triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ còn nhiều vướng mắc, bất cập nên doanh nghiệp khó khăn trong việc tiếp cận.

- Thực hiện công tác tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp giải quyết thủ tục hành chính cấp xã tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát các Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh để tham mưu tổ chức triển khai; đặc biệt là về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03/NQ-CP và

số 71/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 359-KH/TU của Tỉnh ủy, Quyết định số 327/QĐ-UBND của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo về triển khai chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện hợp nhất tỉnh.

- Sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị; chỉ đạo, điều hành đồng bộ, tổ chức triển khai quyết liệt, xác định rõ ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm. Lấy người dân, doanh nghiệp là chủ thể, là trung tâm của chuyển đổi số; được thụ hưởng những thành quả từ chuyển đổi số mang lại; minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

II. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2026

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với Nghị quyết, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh, chiến lược, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Tăng cường hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ gắn với các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, đánh giá, giám định, chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh khai thác tài sản trí tuệ, phát triển thị trường khoa học – công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững trong điều kiện tái tổ chức hành chính sau khi nhập tỉnh.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển Chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn cho các tổ chức và người dân.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường và tăng khả năng cạnh tranh; tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại trong nước và quốc tế thông qua việc hài hòa hóa tiêu chuẩn và các quy trình liên quan, góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững thông qua việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, cung cấp thông tin minh bạch và chính xác về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

- Dự kiến tình hình thực hiện năm 2026: Theo Phụ lục đính kèm.

Sở Khoa học và Công nghệ kính báo./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCHN ngày /8/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	U' TH cả năm	U' TH2025/ TH2024 (%)	U' TH2025/ KH2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
1	Số thuê bao điện thoại	Thuê bao	1.750.187	1.778.680	1.778.680	102	100	1.848.432	104	104
2	Tỷ lệ thuê bao điện thoại	%	175,0	177,9	177,9	102	100	184,8	104	104
3	Số thuê bao internet	Thuê bao	1.666.283	1.838.623	1.838.623	110	100	1.892.700	103	103
4	Số xã, phường, thị trấn, đặc khu có điểm bưu điện văn hoá	Điểm	286	96	96	34	100	96	96	96
5	Tỷ lệ xã, phường, đặc khu có điểm bưu điện	%	100	100	100	100	100	100	100	100
6	Số xã, phường, đặc khu có thư báo trong ngày	Xã	279	96	96	34	100	96	96	96